

Số: /2024/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số/TTr-SNN&PTNT ngày tháng năm 2024; ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- b) Tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- c) Các đối tượng khác có liên quan đến việc sử dụng đất trồng lúa.

Điều 2. Diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa

Công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa phải đảm bảo đầy đủ các quy định tại Điều 9 Nghị định 112/2024/NĐ-CP; trong đó:

1. Tổng diện tích đất xây dựng: Tỷ lệ diện tích công trình xây dựng tối đa không quá 0,1% tổng diện tích khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình nhưng không vượt quá 500 m².

2. Vị trí xây dựng công trình: Được xây dựng tại 1 (một) hoặc nhiều vị trí khác nhau trong khu vực đất trồng lúa nhưng không vượt quá diện tích xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này, đảm bảo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1; đồng thời đảm bảo quy định tại tiêu mục 2.16.7 mục 2.16 Yêu cầu về quy hoạch xây dựng nông thôn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

3. Mục đích sử dụng: Phục vụ từ 1 (một) trong các nội dung được quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định 112/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

b) Tổng hợp, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình theo quy định tại Điều 2 Quyết định này và thời gian tồn tại của công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Luật Xây dựng (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng).

b) Kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa vi phạm pháp luật trên đất thuộc địa bàn quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên kiểm tra, giám sát thực tế đối với việc xây dựng công trình trên đất và việc khôi phục lại điều kiện sử dụng đất vào mục đích chính khi hết thời hạn sử dụng đất mà không được gia hạn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm theo quy định.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết sửa đổi, bổ sung để phù hợp điều kiện thực tế, các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: NN&PTNT; TN&MT; XD;TP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- VP Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH Thanh Hóa;
- VPUB: PCVP, các Phòng ...;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**